

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ TRUNG - VIỆT 10 năm đầu thế kỷ XXI

TS. NGUYỄN ĐÌNH LIÊM

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Thế kỷ XXI đã trải qua 10 năm, với nhiều biến động thăng trầm của tình hình thế giới, khu vực và những thuận lợi, khó khăn của mỗi nước, mối quan hệ giữa hai Đảng, nhân dân hai nước Trung - Việt trong thập niên đầu của thế kỷ XXI vẫn tiếp tục đơm hoa, kết trái. Khung quan hệ giữa hai nước từ “phương châm 16 chữ” đã được bổ sung thêm “tinh thần 4 tốt” và phát triển ngày càng hoàn chỉnh khi hai nước tuyên bố thực hiện “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”.

Có thể nhận thấy 10 năm đầu thế kỷ XXI trong quan hệ Trung - Việt nổi lên nhiều vấn đề vừa là thành tựu, vừa là nổi cộm. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi dừng lại phân tích ngắn gọn một số vấn đề được xem là nổi bật nhất như sau: *thứ nhất*, hợp tác nghiên cứu lý luận về “con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội” giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc; *thứ hai*, Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc; *thứ ba*, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam; *thứ*

tư, hợp tác phát triển “Hai hành lang một vành đai” kinh tế Trung - Việt; *thứ năm*, tập trung giải quyết các vấn đề biên giới trên đất liền Trung Quốc - Việt Nam; *thứ sáu*, vấn đề Biển Đông.

1. Hợp tác nghiên cứu lý luận về “con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội” giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc là một trong những nội dung nổi bật nhất của quan hệ chính trị Trung - Việt thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Nhằm từng bước hoàn thiện những vấn đề lý luận, thực tiễn về con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội “đặc sắc” Trung Quốc và “định hướng” ở Việt Nam, hai Đảng Cộng sản Trung Quốc, Việt Nam từ năm 2000 đã thoả thuận hợp tác nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn qua phương thức tổ chức Hội thảo khoa học hàng năm giữa các nhà nghiên cứu lý luận hàng đầu của hai nước. Qua các cuộc hội thảo trong 10 năm cho thấy, các chủ đề được lựa

chọn là những vấn đề quan trọng và cấp thiết nhằm cung cấp căn cứ lý luận trong việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách đối với công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước trong giai đoạn lịch sử mới.

Xoay quanh chủ đề chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội, đã có hai cuộc Hội thảo với các chủ đề "Chủ nghĩa xã hội - cái phổ biến và cái đặc thù" và "Chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam". Phát biểu tại Hội thảo, các nhà nghiên cứu của hai Đảng đã nêu lên những quan điểm tương đồng hoặc tương tự đối với những vấn đề quan trọng hàng đầu về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Một là, mặc dầu lịch sử thế giới loài người diễn ra phong phú và phức tạp, nhưng vẫn tuân theo quy luật, chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ được thay thế bằng chủ nghĩa xã hội. Sự sụp đổ của Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là thất bại cục bộ và tạm thời, quyết không phải là "sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản" như luận điệu của một số học giả và chính khách phương Tây.

Hai là, Chủ nghĩa xã hội phải là sự vận dụng những nguyên lý cơ bản (phổ biến) của chủ nghĩa Mác, với thực tiễn cụ thể của từng quốc gia dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Do vậy Chủ nghĩa xã hội bao giờ cũng mang "đặc sắc" (hay đặc điểm) quốc gia, dân tộc.

Ba là, Đặc điểm nổi bật nhất của Trung Quốc cũng như Việt Nam là xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở một đất nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do vậy Trung Quốc chủ trương trải qua "giai đoạn đầu của Chủ nghĩa xã hội" với thời gian dài khoảng 100

năm. Việt Nam chủ trương phải qua "thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội" cũng với thời gian tương tự.

Hội thảo về "Xây dựng Đảng cầm quyền" đã thể hiện sự nhất trí quan điểm về việc giữ vững tính tiên phong và củng cố cơ sở giai cấp, cơ sở quần chúng của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch. Vấn đề được nhấn mạnh trong Hội thảo là phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới trong điều kiện lịch sử mới, phải phát huy dân chủ nội bộ Đảng, giữ vững và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

Liên quan đến vấn đề phát triển kinh tế xã hội, giới nghiên cứu hai Đảng đã có 3 cuộc hội thảo với các chủ đề: "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam"; "Phát triển khoa học, hài hoà trong xây dựng kinh tế - xã hội Xã hội chủ nghĩa - lý luận và thực tiễn"; "Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc"; "Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc"

Có thể nói, trong tình hình hai nước và bối cảnh quốc tế hiện nay hai Đảng cần duy trì cơ chế hợp tác nghiên cứu lý luận về "con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội" nhằm trao đổi thành quả nghiên cứu, cùng thảo luận những vấn đề chung. Cải cách thể chế kinh tế - chính trị càng đi vào chiều sâu, càng phải giải quyết trực diện những vấn đề cốt lõi, xã hội càng phát triển càng nảy sinh nhiều mối quan hệ lợi ích giữa các giai tầng, mở cửa đối ngoại càng rộng, những vấn đề quan hệ quốc tế càng lớn và phức

tập đòi hỏi giới nghiên cứu lý luận hai Đảng tăng cường giao lưu hợp tác. Nhất là trong tình hình thế giới vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng vẫn chưa hết lo ngại về nhiều nhân tố bất ổn trong thời gian tới, việc hợp tác nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm trong giới lý luận giữa hai Đảng là rất cần thiết. Tại cuộc Hội thảo "Lý luận và thực tiễn về ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu - kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam" tổ chức tại Hạ Môn (ngày 12/12/2009), đồng chí Tô Huy Rứa cũng đã đề cập "Những vấn đề đặt ra và yêu cầu thúc đẩy hợp tác Việt Nam - Trung Quốc trong nghiên cứu lý luận".

Từ thực tiễn các cuộc Hội thảo cho thấy, hợp tác nghiên cứu lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc không những quan trọng đối với việc thúc đẩy công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội của mỗi nước, mà còn quan trọng đối với việc thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Trung.

2. Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc.

Bước vào thế kỷ XXI, quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc có sự thay đổi mạnh mẽ. Kim ngạch thương mại song phương tăng với tốc độ nhanh, đưa Trung Quốc từ chỗ là bạn hàng thương mại lớn thứ năm, thứ sáu của Việt Nam trong những năm 90 thế kỷ XX trở thành bạn hàng thương mại lớn nhất của Việt Nam từ năm 2004 đến nay và liên tục vượt các chỉ tiêu đặt ra. Năm 2009 mặc dù khủng hoảng tài chính toàn cầu gây ảnh hưởng không nhỏ, song kim ngạch thương mại hai chiều vẫn đạt 22,5 tỷ

USD. Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn nhất của Việt Nam trong 6 năm liên tiếp và hai nước đã vượt mục tiêu đưa kim ngạch thương mại Việt - Trung đạt 25 tỷ USD vào năm 2010, thực tế đạt hơn 30 tỷ USD.

Tuy nhiên, vấn đề nổi lên trong quan hệ thương mại là nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc ngày càng tăng. Việc tìm giải pháp hóa giải sự cân bằng của cán cân thương mại hai nước đang là vấn đề gian nan, đòi hỏi phải có sự nỗ lực của Chính phủ hai nước và sự tập trung nghiên cứu của các cơ quan hữu quan trong việc tư vấn cho Chính phủ đề ra quyết sách, hoạch định chính sách. Chúng tôi cho rằng, trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc thời gian tới, khả năng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc sẽ vẫn tiếp tục gia tăng, nguyên nhân chủ yếu là:

Thứ nhất, khả năng xuất khẩu, cạnh tranh hàng hoá của Việt Nam còn hạn chế, mặc dù có nhiều nhân tố thuận lợi có thể tăng cường thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Trung Quốc, nhưng sự xâm nhập của hàng hoá Việt Nam vào thị trường này dường như là quá nhỏ bé so với nhu cầu của một "đất nước khổng lồ". Trong khi đó, hàng hoá Trung Quốc lại tràn ngập thị trường Việt Nam, từ những vùng quê nghèo khó đến những nơi đô hội, thị thành sang trọng, không nơi đâu, không gia đình nào, không người dân nào ít nhất đã và đang sử dụng một vài sản phẩm có xuất xứ từ Trung Quốc.

Thứ hai, nhu cầu về máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, phụ liệu trong nước tăng cao, phụ thuộc vào nước ngoài. Các mặt hàng thiết bị, nguyên vật liệu, phụ liệu nhập từ Trung Quốc là nhân tố chính đẩy tình trạng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng lên.

Thứ ba, trong khi các doanh nghiệp Trung Quốc làm ăn với Việt Nam họ rất quan tâm tìm hiểu kỹ về thị trường Việt Nam, nắm bắt những nhu cầu, những thay đổi, xu hướng vận động của thị trường Việt Nam kể cả tâm lý người mua hàng... thì các doanh nghiệp, bộ ngành của Việt Nam hầu như chưa hình thành hệ thống có thể khai thác thông tin có giá trị về nhu cầu hàng hoá, thị trường, luật pháp, quy định có liên quan của Trung Quốc. Điều đó phản ánh cách làm việc, nhận thức và tư duy của chúng ta vẫn còn chậm chạp, chưa bắt kịp với sự biến động của tình hình đang xảy ra nhanh chóng trên thế giới và thiếu hiểu biết về thị trường Trung Quốc.

Thứ tư, việc tiến hành phương thức tăng cường xuất khẩu vào Trung Quốc, giảm nhập khẩu hàng từ Trung Quốc vào Việt Nam còn có nhiều nguyên nhân quan trọng khác. Theo PGS. TSKH Võ Đại Lực, nguyên nhân khiến Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc ngày càng tăng có hai vấn đề căn bản cần được nghiên cứu: *một là*, do tỷ giá hối đoái giữa đồng Nhân dân tệ với đồng Đô la và đồng Việt Nam không hợp lý; *hai là*, thương mại và đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam không tương xứng “Nếu như Trung Quốc gia tăng đầu tư trực tiếp vào Việt Nam và bán hàng ngược lại Trung Quốc, cũng như Mỹ đầu tư vào Việt Nam bán hàng sang Mỹ, Nhật cũng vậy...thì Việt Nam mới có chút xuất siêu. Trung Quốc chỉ có bán hàng sang Việt Nam, không có đầu tư đáng kể, do vậy cán cân khó có thể chấp nhận...Thâm hụt thương mại năm 2010 của Việt Nam cỡ khoảng 12,5 tỷ USD, trong đó 90% thuộc về

nhập siêu từ Trung Quốc. Nhập siêu làm cho cán cân thương mại không bình thường và cán cân vãng lai cũng không bình thường, dẫn đến mất cân đối ở Việt Nam”.

Trong bối cảnh sức cạnh tranh hàng hoá của Việt Nam ngay tại thị trường nội địa còn khó cạnh tranh với hàng Trung Quốc, thiết nghĩ, điều này cần sự quan tâm nhiều hơn của các cấp, các ngành Việt Nam, cũng như bản thân các doanh nghiệp Việt Nam. Chúng ta cần phải nắm được chính sách, phương hướng của phía Trung Quốc trong thực hiện kinh tế đối ngoại, cần một sự liên kết chặt chẽ với nhau theo kiểu các hiệp hội để hạn chế sức ép từ các doanh nghiệp của Trung Quốc. Ngoài ra, một nhân tố không thể thiếu được trong vấn đề giảm nhập siêu là các doanh nghiệp trước hết phải tự khẳng định mình tại thị trường Việt Nam, sau đó mới có cơ hội để tiến tới xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Có như vậy, Việt Nam mới giảm bớt tình trạng nhập siêu từ Trung Quốc, tiến tới giảm nhập siêu trong cán cân xuất nhập khẩu với nước ngoài.

3. Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam.

Đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam 10 năm đầu thế kỷ XXI có những bước tiến đáng khích lệ so với 9 năm sau khi hai nước bình thường hóa, biểu hiện ở số lượng dự án, quy mô đầu tư, địa bàn đầu tư, vốn đầu tư đều tăng nhanh chóng, tính đến tháng 4-2011, có 790 dự án với tổng số vốn theo hiệp định đạt gần 3,7 tỷ USD, đứng thứ 14 trong số 92 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

Sự phát triển hợp tác đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đang ngày càng đóng vai trò tích cực trong thúc đẩy phát triển chung của quan hệ hai nước. Tuy nhiên, xét từ điều kiện thực tế đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước, còn nhiều vấn đề bất cập nảy sinh, đặc biệt việc chuyển giao công nghệ, an sinh môi trường, nguồn nhân công, an ninh, quốc phòng.v.v. Những năm tới, đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam sẽ như thế nào? Theo chúng tôi xu hướng phát triển vẫn là dòng chính.

Về phía Trung Quốc, chiến lược phát triển “đi ra ngoài” của Chính phủ Trung Quốc vẫn là khuyến khích các doanh nghiệp có lợi thế so sánh, triển khai mậu dịch gia công, khai thác tài nguyên, phát triển nhận thầu công trình quốc tế, mở rộng xuất khẩu lao động. Những ngành nghề chủ yếu mà Chính phủ Trung Quốc đặc biệt khuyến khích đầu tư ra ngoài đó là các ngành gia công như công nghiệp nhẹ, may mặc, đồ điện gia dụng, máy móc, điện tử và khuyến khích triển khai mậu dịch gia công ở nước ngoài tại các thị trường mới nổi. Vì vậy, trong những năm tới, Việt Nam vẫn là một thị trường được các nhà đầu tư Trung Quốc hướng tới.

Về phía Việt Nam, để thực hiện các mục tiêu kinh tế, Việt Nam đang tích cực phát huy lợi thế và khắc phục những hạn chế ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài. So với các thị trường trong khu vực, thị trường Việt Nam có những ưu thế nổi bật. Điều tra triển vọng đầu tư thế giới (WIPS) 2009 - 2011 của UNCTAD cho thấy, Việt Nam được các công ty xuyên quốc gia đánh giá là một trong 15 nền kinh tế hấp dẫn đầu tư. Bởi ngoài duy trì đà tăng trưởng

kinh tế cao, Việt Nam còn có tình hình chính trị ổn định, vị thế quốc tế đang được nâng cao.

Cho đến nay, các nhà đầu tư Trung Quốc vẫn coi Việt Nam là một thị trường ưu tiên lựa chọn trong khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, do đầu tư của Trung Quốc chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ, gia công, chế biến với vốn đầu tư không lớn và kết cấu đầu tư này khó thay đổi trong thời gian ngắn nên đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam sẽ khó tạo được cú nhảy vọt, thay đổi thứ hạng đưa Trung Quốc lên vị trí những nước đứng đầu trong bảng xếp hạng các nước và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam.

4. Hợp tác phát triển “Hai hành lang một vành đai kinh tế » Trung - Việt

Hợp tác phát triển hai hành lang một vành đai kinh tế Trung - Việt đang là vấn đề được hai nước thúc đẩy. Như chúng ta đã biết, giữa năm 2004, Thủ tướng hai nước Việt Nam và Trung Quốc đạt được sự nhất trí về việc triển khai đồng bộ xây dựng « Hai hành lang một vành đai kinh tế » Việt - Trung. Mục tiêu của việc xây dựng hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt - Trung không chỉ dừng lại ở việc thúc đẩy phát triển nội tại và củng cố quan hệ song phương hai nước, mà còn có ý nghĩa rộng lớn hơn trong việc liên kết kinh tế khu vực, trước hết là ACFTA, củng cố môi trường hợp tác, phát triển trong hoà bình giữa các nước với nhau. Cùng với « Hai hành lang một vành đai kinh tế », Trung Quốc đang đẩy mạnh triển khai chiến lược « Một trục hai cánh » (3M), nhằm thúc đẩy tiến trình phát triển của ACFTA. Như vậy, có thể xem “Hai hành lang một vành đai kinh tế” kinh tế là bước đột phá của « Một trục hai cánh », tình hình này đã tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau đối với tiến trình

xây dựng « Hai hành lang một vành đai kinh tế ».

Trên thực tế, quyết tâm chính trị về việc xây dựng Hai hành lang một vành đai kinh tế đang từng bước được hai nước Trung - Việt hiện thực hóa. Triển vọng của “Hai hành lang một vành đai kinh tế” kinh tế là khả quan, sẽ là một trong các đột phá để khai thông các chương trình hợp tác trong khuôn khổ ACFTA, đồng thời trở thành địa chỉ hấp dẫn đối với các đối tác bên ngoài khu vực, là hình ảnh tích cực của vùng kinh tế biên mậu tự do điển hình để làm cầu nối cho sự thâm nhập của các nhà đầu tư và kinh doanh quốc tế vào thị trường nội địa của cả Việt Nam và Trung Quốc. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là làm thế nào để hình thành được một cơ chế xây dựng lòng tin cho các bên và cho các chủ thể kinh tế tham gia vào hành lang kinh tế. Còn nhiều ý kiến đặt vấn đề, liệu về lâu dài “Hai hành lang một vành đai kinh tế” kinh tế có gây nên sự bất ổn cho vấn đề an ninh, môi trường sinh thái và các vấn đề xã hội khác hay không? Chính vì vậy cần thiết phải cảnh báo sớm tình hình này như là một vấn đề nổi cộm để tạo dựng cơ chế lòng tin, làm rõ sự cần thiết, tính hiệu quả và quyết tâm thực sự, không dừng lại trên lời nói và các văn bản ký kết.

5. Tập trung giải quyết các vấn đề trên biên giới đất liền giữa hai nước Trung Quốc, Việt Nam.

Giải quyết vấn đề biên giới đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc là một trong những vấn đề quan trọng, nổi bật trong mối quan hệ giữa hai nước. Từ những năm 1950 đến khi hai nước bình thường hoá quan hệ năm 1991, tuy quan hệ hai nước Việt - Trung có nhiều biến động, thăng trầm, thậm chí đã xảy ra xung đột biên giới, nhưng hai Đảng và Chính phủ hai

nước Việt Nam, Trung Quốc đã hết sức nỗ lực đàm phán, thương lượng giải quyết những vấn đề về biên giới lãnh thổ hai nước. Việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc thời gian qua là sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong quan hệ Trung - Việt.

Một là, cùng với việc ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ ngày 25 tháng 12 năm 2000, với việc hoàn thành phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ, ta đã giải quyết dứt điểm được hai trong ba vấn đề lớn do lịch sử để lại trong quan hệ Việt - Trung. Điều này chứng tỏ hai Đảng Cộng sản, hai Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có đủ khả năng để giải quyết mọi bất đồng bằng biện pháp hòa bình, thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện giữa hai nước.

Hai là, việc hoàn thành phân giới cắm mốc, xác định rõ ràng một đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tạo cơ sở để các ngành chức năng tiến hành quản lý biên giới một cách hiệu quả, ngăn ngừa hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết về đường biên giới; mở ra cơ hội mới cho công cuộc phát triển của mỗi nước, đặc biệt là tạo điều kiện cho các địa phương biên giới hai bên mở rộng hợp tác, phát triển kinh tế, tăng cường giao lưu hữu nghị.

Ba là, việc hoàn thành phân giới cắm mốc, đưa Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc vào cuộc sống theo đúng Thỏa thuận giữa lãnh đạo cấp cao hai nước là biểu hiện sinh động của mối quan hệ "đối tác hợp tác chiến lược toàn diện" Việt Nam - Trung Quốc, góp phần gia tăng sự tin cậy giữa

hai bên, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ Việt - Trung phát triển mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn.

Bốn là, việc hoàn thành phân giới cắm mốc thể hiện rõ quyết tâm của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân Việt Nam, Trung Quốc trong việc giải quyết bằng thương lượng hoà bình tất cả các vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn đọng trong quan hệ hai nước.

Năm là, trên bình diện quốc tế và khu vực, việc hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc là sự đóng góp thiết thực đối với hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực, góp phần khẳng định các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế: giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ bằng thương lượng hoà bình; không sử dụng vũ lực, hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong giải quyết tranh chấp quốc tế.

Có thể khẳng định, lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước Việt Nam, Trung Quốc đã xác định được một đường biên giới rõ ràng trên đất liền với một hệ thống mốc giới hiện đại, điều đó đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác và phát triển giữa hai nước, mở ra một trang mới trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc.

6. Vấn đề Biển Đông - một nội dung nổi bật trong quan hệ Trung - Việt

Tranh chấp chủ quyền Biển Đông trên thực tế đã diễn ra giữa Trung Quốc với nhiều nước Đông Nam Á, trong đó phức tạp nhất là giữa Trung Quốc với Việt Nam, có thể xem đây là vấn đề nổi bật nhất trong quan hệ Trung Quốc đối với Việt Nam 10 năm qua. Sóng bắt đầu nổi lên sau khi Việt Nam cùng với Malaixia đệ trình Ủy ban ranh giới thềm lục địa Liên hợp quốc bản đăng ký “về thềm lục địa mở rộng

trên Biển Đông”. Báo chí Trung Quốc, đặc biệt là các báo Hồng Kông đều đăng bài cho rằng: “Việt Nam đang áp dụng sách lược ba đẩy nhanh” trong tranh giành chủ quyền Biển Đông (Trung Quốc gọi là Nam Hải) với Trung Quốc. Cụ thể: *Một là*, Việt Nam đẩy nhanh chiếm lĩnh thực tế, thành lập chính quyền địa phương, bổ nhiệm quan chức hành chính tại vùng biển còn tồn tại tranh chấp, chủ trương ra tay trước để giành ưu thế chủ quyền, thực hiện chiếm lĩnh thực tế. *Hai là*, đẩy nhanh khai thác dầu khí.... *Ba là*, đẩy nhanh bước đi chuẩn bị đấu tranh quân sự.

Do được tuyên truyền giáo dục rằng Nam hải (Biển Đông) trong ranh giới vành lưỡi bò không có căn cứ được Trung Quốc vẽ ra là thuộc chủ quyền Trung Quốc nên báo chí Trung Quốc ngang nhiên công kích Việt Nam là điều dễ hiểu. Song đáng lưu ý rằng, trên hành động thực tế, Trung Quốc đã cho tàu Ngư chính đi tuần trên biển không cho ngư dân Việt Nam đánh cá trên vùng biển của mình nhằm khẳng định chủ quyền của họ ở Biển Đông, muốn chiếm Biển Đông, cho thấy đây sẽ là vấn đề nổi cộm lớn trong khu vực, xử lý không khéo sẽ gây bất ổn định, ảnh hưởng đến hoà bình hợp tác khu vực trong thời gian tới.

Tại hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 2010, Trung Quốc bác bỏ lập trường đàm phán đa phương về vấn đề Biển Đông, tiếp tục khẳng định đó là vấn đề giữa Trung Quốc với từng nước ASEAN có liên quan. Chúng tôi cho rằng, đây vẫn sẽ là một trong những thách thức lớn trong quan hệ Trung Quốc đối với Việt Nam nói riêng, ASEAN nói chung từ nay về sau.

Như vậy, khi biên giới trên đất liền giữa hai nước hoàn thành việc phân giới cắm mốc, thì những vấn đề về tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền ở Biển Đông vẫn còn hết sức phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây nên căng thẳng, xung

đột, làm nguy hại đến hoà bình, an ninh, sự ổn định của khu vực và thế giới. Do vậy, hai nước Trung - Việt rất cần thiết phải ngồi cùng nhau tìm kiếm các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề trên “tinh thần 4 tốt” và “phương châm 16 chữ” vì tình hữu nghị, hoà bình, vì lợi ích của hai nước, vun đắp cho mối quan hệ Việt - Trung phát triển bền vững.

Tóm lại, 10 năm đầu thế kỷ XXI quan hệ Trung - Việt được hai Đảng và nhân dân hai nước không ngừng vun đắp, do vậy đã đạt được những thành tựu lớn lao trên tất cả các lĩnh vực. Những vấn đề chúng tôi đề cập nói trên là đại diện tiêu biểu được rút ra từ thực tiễn phát triển của quan hệ Trung - Việt và được xem là những vấn đề nổi bật nhất trong quan hệ Trung Quốc đối với Việt Nam 10 năm đầu thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thương mại, *Tác động của việc thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc đối với kinh tế- thương mại Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội, 2003-2004.

2. Bruce A. Elleman, *Các tranh chấp lãnh hải ở biển Đông và tác động đối với chiến lược biển của Trung Quốc: Một góc nhìn lịch sử*. Tạp chí Thời đại mới số 11/2009, TLTKĐB số 282-TTX 4/12/2009.

3. *Chính sách ngoại giao láng giềng và quan hệ Trung Quốc - ASEAN* (2004), Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 10/4/2004

4. Định hướng và các giải pháp phát triển xuất khẩu hàng hoá sang Trung Quốc thời kỳ 2005 - 2010, Báo cáo của Vụ Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Thương mại, ngày 18/3/2005.

5. Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ký ngày 30/12/1999.

6. Hội thảo khoa học Trung - Việt : Chủ nghĩa xã hội cái phổ biến và cái đặc thù, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2000

7. Hội thảo lý luận giữa ĐCS Trung Quốc và ĐCS Việt Nam : Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường, kinh nghiệm của Trung Quốc kinh nghiệm của Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2003.

8. Hội thảo lý luận giữa ĐCS Trung Quốc và ĐCS Việt Nam : Phát triển khoa học, hài hòa trong xây dựng kinh tế - Xã hội chủ nghĩa, lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2008.

9. Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2009.

10. Kỳ yếu hội thảo khoa học, “*Các giải pháp phát triển hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam – Trung Quốc trong bối cảnh mới*”, Sapa, Lào Cai, 2/12/2007.

11. Lê Văn Sang, *Cục diện kinh tế thế giới hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb Thế giới, H.2005.

12. Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14/3/2005 của Chính phủ về quy chế cửa khẩu biên giới đất liền

13. Nguyễn Trung, *Biển Đông hòa bình hay nổi sóng*, tham luận tại Hội thảo khoa học tại Đại học Yale của Mỹ ngày 18/11/2009, TLTKĐB số 281-TTX, 3/12/2009.

14. Nguyễn Văn Lịch, *Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc*, đề tài khoa học trọng điểm cấp nhà nước KX01.01/06-10, tháng 6/2008.

15. *Chiến lược ngoại giao láng giềng của Trung Quốc: Lịch sử, hiện tại và tương lai*, Tạp chí Á Thái dương đại (Trung Quốc) số 1/2009.

16. Cổ Tiểu Tùng, *ASEAN năm 2020 và quan hệ với Trung Quốc*, Tạp chí Đông Nam Á tung hoành, số 5 năm 2008.

17. Lý Lập Dân, *Nghiên cứu sự định vị chiến lược “Hai hành lang một vành đai” với quan hệ khu vực*, Học báo Đại học Quảng Tây, quyển 28, kỳ 6, tháng 12 năm 2006.

18. Tô Trương Hoà, *Chế độ xung quanh và chủ nghĩa xung quanh – Hướng đi của Trung Quốc trong ảnh hưởng ở khu vực Đông Á*, Tạp chí lý luận quan hệ quốc tế, số 1-2006.

19. Wang Chao, *Chiến lược biển trong chiến lược phát triển của Trung Quốc* - www.wangchao.net.cn/bbsdetail798452html.

